TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 599/2024/QĐST- HNGĐ	*Tân Phú, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 420/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số D N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Ngọc Thanh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số H P, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Ngọc Thanh T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2012, quyển số 01/2012, ngày 18/12/2012.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng khoảng từ cuối năm 2022, giữa vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng quan điểm về lối sống, cãi vả về tiền bạc, con cái. Từ đó gây nên nhiều mẫu thuẫn, không còn tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã cố gắng nhường nhịn, tìm cách giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng để nhằm mục đích cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông K và bà T khai có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 05/9/2017. Khi ly hôn, hai bên thoả thuận bà T là người trực tiếp nuôi con chung, ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 8.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông K và bà T cùng khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông K và bà T cùng khai không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Ngọc Thanh T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Ngọc Thanh T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112/2012, quyển số 01/2012, ngày 18/12/2012 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Ngọc Thanh T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Khả H, sinh ngày 05/9/2017. Ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Ngọc Thanh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Ngọc Thanh T cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Lệ phí giải quyết về yêu cầu hôn nhân gia đình sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn K và bà Phạm Ngọc Thanh T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông K và bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0008156 ngày 16/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí Tòa án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung